

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HSST

Ngày 09/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Lê Thanh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn, Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2022/TLST-HS ngày 22/11/2022 theo Q1 định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HS ngày 28/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Đinh Văn M sinh năm 1977; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú số 473/2/74A, đường M, khu phố Đ, phường T, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Đinh Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị A (đã chết); vợ Nguyễn Thị N và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Văn T sinh năm 1982; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn N và bà Phạm Thị G (đã chết); vợ Phạm Thị T và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Văn N1 sinh năm 1971; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Đê, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị V; vợ Phạm Thị H và có 2 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Duy L sinh năm 1976; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; hộ khẩu thường trú xóm Đê, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay xóm Thổ T, xã

K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Giang N và bà Nguyễn Thị V; vợ Trần Thị L1u và có 04 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Tô Văn Q sinh năm 1983; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Hương, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Tô Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị U; vợ Trần Thị H và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Tô Văn Q1 sinh năm 1981; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Hương, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Tô Văn Y (đã chết) và bà Đinh Thị U; vợ Đinh Thị L và có 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

7. Nguyễn Văn C sinh năm 1981; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị V; vợ Vũ Thị Thu H và có 03 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Vũ Văn L1 sinh năm 1967; tại K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm Đê, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt ngày 23/9/2022; con ông Vũ Văn Lữ (đã chết) và bà Tô Thị T (đã chết); vợ Bùi Thị H và có 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/9/2022 đến ngày 06/9/2022, hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/9/2022 sau khi ăn cỗ tại nhà bà L2 ở xóm Đê, xã K. M rú Q, Long, Q1, N1, C, T đến phòng khách nhà bà L2 để đánh “Liêng” được thua bằng tiền, tất cả đồng ý. M bảo T đi mua 01 bộ tú lơ khơ làm phương tiện để đánh “Liêng”. Cả 07 người ngồi tại phòng khách nhà bà L2 đánh “liêng”, đến khoảng 21 giờ 45 phút thì L1 đến thấy đánh “Liêng” được thua bằng tiền, nên vào chơi cùng. Cả 08 người đánh “Liêng” được thua bằng tiền đến 23 giờ 30 cùng ngày thì bị tổ công tác của Công an huyện Y bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và số tiền là 8.540.000 đồng. Thu giữ trên người Q 2.040.000 đồng, trên người L1 30.000 đồng, trên người C 2.500.000 đồng, trên người Q1 2.460.000

đồng. Kết quả điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai tổng số tiền sử dụng vào việc đánh “Liêng” được thua bằng tiền là số tiền thu giữ tại chiếu là 8.540.000 đồng.

Cáo trạng số 65/CT-VKS ngày 22/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên Q1 định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo M, T mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo N1, Long, Q, Q1, C, L1 mỗi bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.540.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân. Trả lại cho bị cáo Q 2.040.000 đồng, bị cáo L1 30.000 đồng, bị cáo C 2.500.000 đồng, bị cáo Q1 2.460.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều khai có đánh Liêng với nhau được thua với số tiền thu giữ tại chiếu là 8.540.000 đồng; số tiền thu giữ trên người của các bị cáo không sử dụng để đánh bạc. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q1 định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, Q1 định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 23 giờ 30 ngày 04/9/2022 tại nhà bà L2 ở xóm Đê, xã K. Tổ công tác của Công an huyện Y bắt quả tang M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đang đánh tú lơ khơ với nhau dưới hình thức đánh “Liêng” được thua với tổng số tiền là 8.540.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 là trái pháp luật. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.540.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội Đánh bạc.

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo: Bị cáo M là người rủ đánh bạc, bị cáo T là người mua tú lơ khơ nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; các bị cáo N1, Long, Q, Q1, C, L1 giữ vai trò ngang nhau và xếp thứ hai trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 8 bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều không có tình tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ, cả 08 bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng:

Các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều phạm tội ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nhân thân tốt, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo; các bị cáo M và T giữ vai trò thứ nhất nên mức hình phạt áp dụng đối với M và T cao hơn mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo N1, Long, Q, Q1, C, L1. Các bị cáo N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều xếp vai trò ngang nhau nên mức hình phạt là ngang nhau. Cả 08 bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần về hình phạt cho cả 08 bị cáo tương ứng với số tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng

[6] Về biên pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và tổng số tiền là 15.570.000 đồng.

- Tú lơ khơ các bị cáo sử dụng làm phương tiện đánh bạc, nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 15.570.000 đồng; trong đó có 8.540.000 đồng thu giữ tại chiếu các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại là 7.030.000 đồng (trong đó của Q là 2.040.000 đồng, của L1 là 30.000 đồng, của C là 2.500.000 đồng, của Q1 là 2.460.000 đồng) các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn M, Lê Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy Long, Tô Văn Q, Tô Văn Q1, Nguyễn Văn C, Vũ Văn L1 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: - Đinh Văn M 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng).
 - Lê Văn T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng).
 - Nguyễn Văn N1 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).
 - Nguyễn Duy L 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).
 - Tô Văn Q 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).
 - Tô Văn Q1 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).
 - Nguyễn Văn C 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).
 - Vũ Văn L1 22.000.000 (hai mươi hai triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.540.000 đồng (tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân.

- Trả lại cho bị cáo Tô Văn Q 2.040.000 đồng, bị cáo Vũ Văn L1 30.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn C 2.500.000 đồng, bị cáo Tô Văn Q1 2.460.000 đồng; nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Số tiền đang trong tài khoản số 39490.105.5132.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc Nhà nước huyện Y theo ủy nhiệm chi ngày 01/12/2022 của Công an huyện Y.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Đinh Văn M, Lê Văn T, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Duy Long, Tô Văn Q, Tô Văn Q1, Nguyễn Văn C, Vũ Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo M, T, N1, Long, Q, Q1, C, L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Người liên quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực